TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/DS-ST
Ngày: 17 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Ông **Võ Minh Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn D, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1.1. Chị Lê Thị N, sinh năm 1998. Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. *(Có mặt)*

1.2. Chị Nguyễn Thị Tiết C, sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh Trương Vĩnh P, sinh năm 1970 và chị Hồ Tuyết T, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: ấp R, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

Vào ngày 05/01/2024, anh D có cho vợ chồng anh Trương Văn P1 và chị Hồ Tuyết T vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày vay và không tính lãi, nếu hết hạn 30 ngày mà không trả tiền gốc thì phải trả tiền lãi với mức lãi suất thỏa thuận là 8%/tháng. Việc vay tiền thì hai bên không có làm giấy vay tiền riêng, nhưng để đảm bảo cho khoản vay thì hai bên có làm Hợp đồng thế chấp cùng ngày 05/01/2024 thỏa thuận anh P1 và chị T thế chấp căn nhà của anh P1 và chị T đang xây dựng cho anh D, hai bên cùng ký tên vào hợp đồng thế chấp tài sản, bản chính do anh D giữ. Sau khi hai bên ký tên vào hợp đồng xong thì anh D đã giao tiền cho anh P1 và chị T trực tiếp nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng tại nhà anh P1 và chị T.

Khi đến hạn trả tiền là ngày 05/02/2024 thì anh P1 và chị T không có trả tiền cho anh D như thỏa thuận, anh D đến yêu cầu nhiều lần thì đến ngày 06/3/2024 anh P1 và chị T có trả cho anh D được số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ lại 47.000.000 đồng hứa vài ngày sau sẽ trả cho anh D. Sau đó, anh D đã đến đòi nhiều lần, anh P1 và chị T chỉ hứa hẹn nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Nay anh D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P1 và chị T phải trả cho anh D số tiền vay còn nợ tính đến ngày 02/7/2024 là 50.820.766 đồng (trong đó tiền vay gốc là 47.000.000 đồng, tiền lãi là 3.820.766 đồng) và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền vay gốc là 47.000.000 đồng từ ngày 03/7/2024 đến ngày Tòa án án xét xử. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/01/2024 giữa anh D với anh P1 và chị T thì anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh D không còn yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Hồ Tuyết T trình bày:*

Vào năm 2021, vợ chồng chị có vay tiền của ông D số tiền 250.000.000 đồng, sau đó tiếp tục vay thêm của anh D số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng. Sau đó, do vợ chồng chị không có khả năng trả tiền cho anh D nên vợ chồng chị đã bán căn nhà của vợ chồng chị để trả cho anh D số tiền gốc là 300.000.000 đồng, còn nợ lại anh D số tiền lãi là 40.000.000 đồng thì vợ chồng chị chưa có khả năng trả cho anh D. Vợ chồng chị và anh D thỏa thuận thống nhất số tiền lãi còn nợ là 40.000.000 đồng khi nào vợ chồng chị có tiền sẽ trả từ từ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ. Đến khoảng tết năm 2024, anh D có đến đòi thì vợ chồng chị có trả cho anh D được số tiền 3.000.000 đồng (không có làm giấy tờ), còn nợ lại anh D số tiền 37.000.000 đồng đến nay vợ chồng chị chưa trả cho anh D.

Chị thừa nhận chữ ký và chữ viết Trương Vĩnh P và Hồ Tuyết T phía dưới bên thế chấp trong Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/01/2024 do anh D cung cấp mà

Tòa án cho chị xem đúng là chữ ký và chữ viết của chị và anh P nhưng vợ chồng chị không có vay tiền của anh D số tiền 50.000.000 đồng. Do khi vợ chồng chị bán nhà để trả nợ cho anh D thì đưa hợp đồng cho vợ chồng chị ký tên, lúc đó vợ chồng chị ký tên mà không có xem nội dung.

Đối với việc vợ chồng chị vay tiền của anh D số tiền 300.000.000 đồng vợ chồng chị đã trả xong nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh D do vợ chồng chị không có vay của anh D số tiền gốc là 50.000.000 đồng như anh D yêu cầu. Hiện vợ chồng chị chỉ có nợ anh D số tiền lãi là 37.000.000 đồng, chị chưa có khả năng trả nên xin trả dần số tiền này. Ngoài ra chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Trương Vĩnh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D. Buộc anh P và chị T có nghĩa vụ trả cho anh D số tiền vay còn nợ là 52.797.000 đồng (trong đó tiền gốc là 47.000.000 đồng và tiền lãi là 5.797.000 đồng).

Về án phí: Anh P và chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Dũng khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh P và chị T, anh P và chị T đang cư trú trên địa bàn thành phố B nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh P và chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh P và chị T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Anh Dũng xác định vào ngày 05/01/2024 có cho anh P và chị T có vay số tiền gốc 50.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày vay và không tính lãi, nếu hết hạn 30 ngày mà không trả tiền gốc thì phải trả tiền lãi với mức lãi suất thỏa thuận là 8%/tháng. Khi vay tiền, để đảm

bảo cho khoản vay thì hai bên có làm Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/01/2024 thỏa thuận anh P và chị T thế chấp căn nhà của anh P và chị T đang xây dựng cho anh D, hai bên cùng ký tên vào hợp đồng thế chấp tài sản. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh D cung cấp bản chính Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/01/2024, anh P và chị T có ký tên vào hợp đồng phía dưới bên thế chấp. Chị T thừa nhận chữ ký và chữ viết tên "Trương Vĩnh P" và "Hồ Tuyết T" trong Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/01/2024 đúng là chữ ký và chữ viết của anh P và chị T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

[4] Xét lời trình bày của bị đơn: Chị T cho rằng anh P và chị T không có vay của anh D số tiền gốc 50.000.000 đồng, mà hiện chỉ còn nợ anh D số tiền lãi là 40.000.000 đồng, đồng thời khi ký hợp đồng thế chấp tài sản thì anh P và chị T không xem nội dung trong hợp đồng. Tuy nhiên, chị T chỉ trình bày mà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Theo nội dung trong Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/01/2024 thể hiện "Hai bên đã trao đổi và đồng ý thực hiện về việc thế chấp căn nhà đang khởi công xây dựng do bà Hồ Tuyết T và ông Trương Vĩnh P làm chủ sở hữu cho ông Trương Văn D với mục đích đảm bảo số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) mà ông P và bà T vay của ông D, thời hạn trả số tiền vay là chậm nhất 30 ngày kể từ ngày cho vay…" và chị T thừa nhận chữ ký trong hợp đồng đúng là chữ ký và chữ viết của anh P và chị T. Từ đó cho thấy, việc anh P và chị T có vay tiền của anh D và hiện còn nợ tiền của anh D là thực tế có xảy ra. Do đó, anh D khởi kiện yêu cầu anh P và chị T trả tiền vay là có căn cứ.

[5] Xét yêu cầu đối với số tiền gốc: Anh P và chị T vay của anh D số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Anh D1 thừa nhận sau khi vay tiền thì anh P và chị T đã trả cho anh D1 được số tiền gốc là 3.000.000 đồng, điều này cũng phù hợp với lời khai của chị T. Do đó, anh D1 yêu cầu anh P và chị T phải trả cho anh D1 số tiền gốc còn nợ là 47.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu tính lãi: Anh Dũng xác định khi vay tiền hai bên có thoả thuận 30 ngày kể từ ngày vay nếu trả tiền gốc thì không tính lãi, nếu quá thời hạn này không trả gốc thì phải trả lãi với lãi suất 8%/tháng. Tuy nhiên, nay anh D1 chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 06/02/2024 với mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận. Vì vậy, lãi suất sẽ được tính như sau: Từ ngày 06/02/2024 đến ngày 06/3/2024, thời gian 01 tháng trên số tiền gốc 50.000.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng thì tiền lãi là 830.000 đồng. Từ ngày 06/3/2024 đến ngày 17/9/2024, thời gian 06 tháng 11 ngày trên số tiền gốc 47.000.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng thì tiền lãi là 4.967.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 5.797.000 đồng.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D1 đối với anh P và chị T, buộc anh P và chị T có nghĩa vụ trả cho anh D1 số tiền vay gốc là 47.000.000 đồng và tiền lãi là 5.797.000 đồng, tổng cộng là 52.797.000 đồng.

[8] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/01/2024 giữa anh D1 với anh P và chị T do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Anh P và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.639.000 đồng. Anh D1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn D đối với anh Trương Vĩnh P và chị Hồ Tuyết T.

Buộc anh Trương Vĩnh P và chị Hồ Tuyết T có nghĩa vụ trả cho anh Trương Văn D số tiền vay gốc là 47.000.000 đồng và tiền lãi là 5.797.000 đồng, tổng cộng là 52.797.000 đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Trương Vĩnh P và chị Hồ Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.639.000 đồng. Anh Trương Văn D không phải chịu án phí. Anh Trương Văn D đã dự nộp tạm ứng án phí 1.270.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002946 ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nên được nhận lại.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thành phố Bạc Liêu;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly